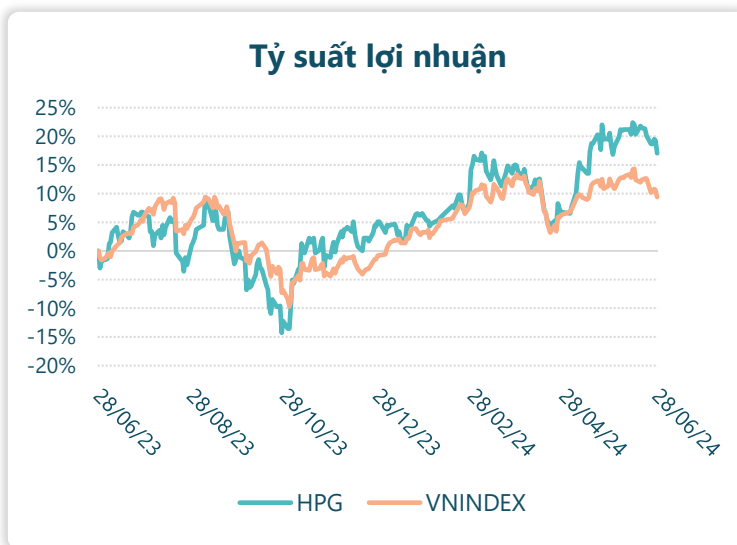


Ngày	28,300 VNĐ		
28/06/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-2.4%	2.9%	13.4%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	20,727 - 29,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	181,014
Số lượng CPLH (CP)	6,396,250,200
KLGD BQ 20 phiên (CP)	24,833,835
Sở hữu nước ngoài	24.4%
Beta	1.10
EPS	1,746
P/E	16.2



Doanh thu thuần Q2/24

39,556

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 8,704 | 28.2%

YoY: ▲ 10,060 | 34.1%

Nợ/VCSH Q2/24

90.1%

YoY: +/- ▼ 1.1%

LN gộp Q2/24

5,247

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1,093 | 26.3%

YoY: ▲ 2,052 | 64.2%

ROE (TTM) Q2/24

10.8%

YoY: +/- ▲ 1.6%

LN trước thuế Q2/24

3,733

tỷ VNĐ

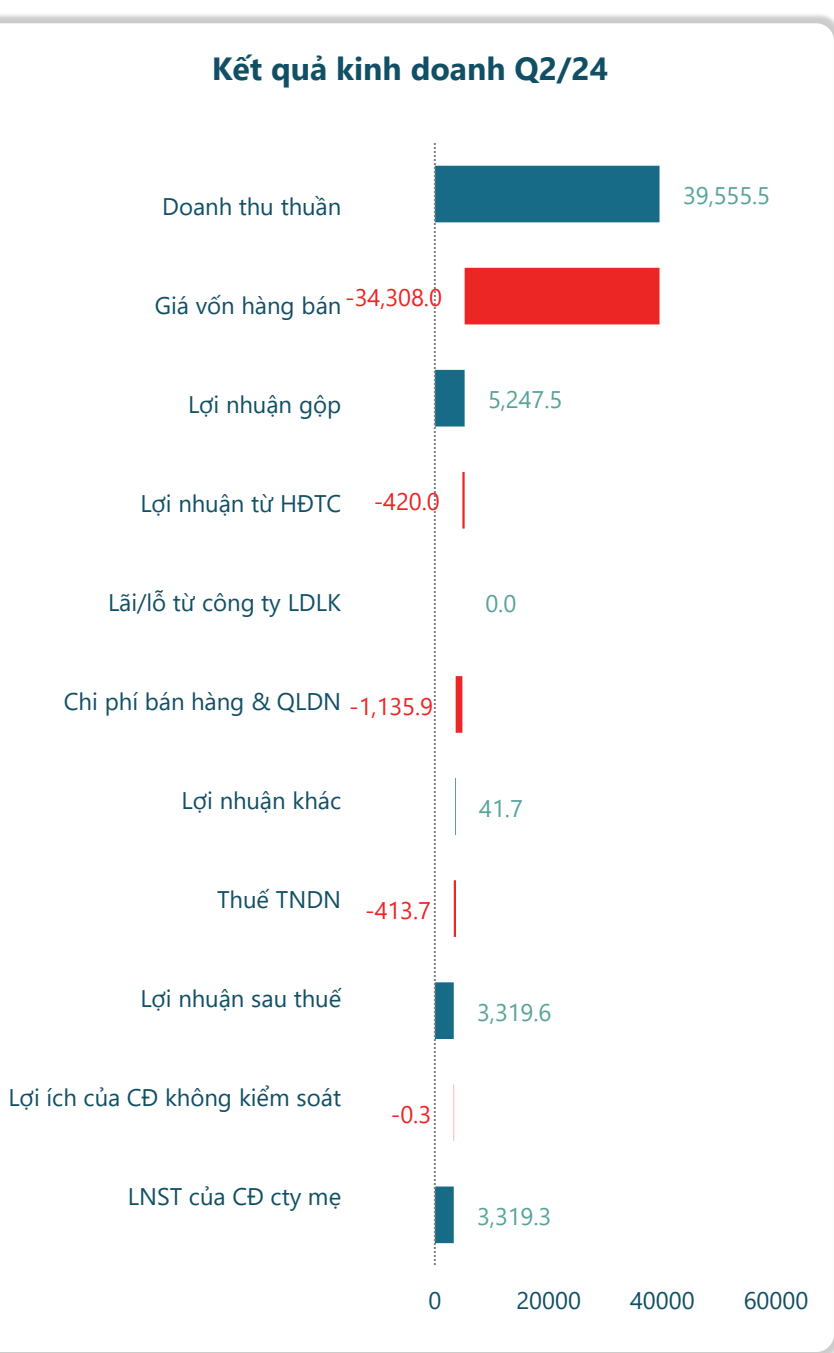
QoQ: ▲ 472 | 14.5%

YoY: ▲ 2,031 | 119%

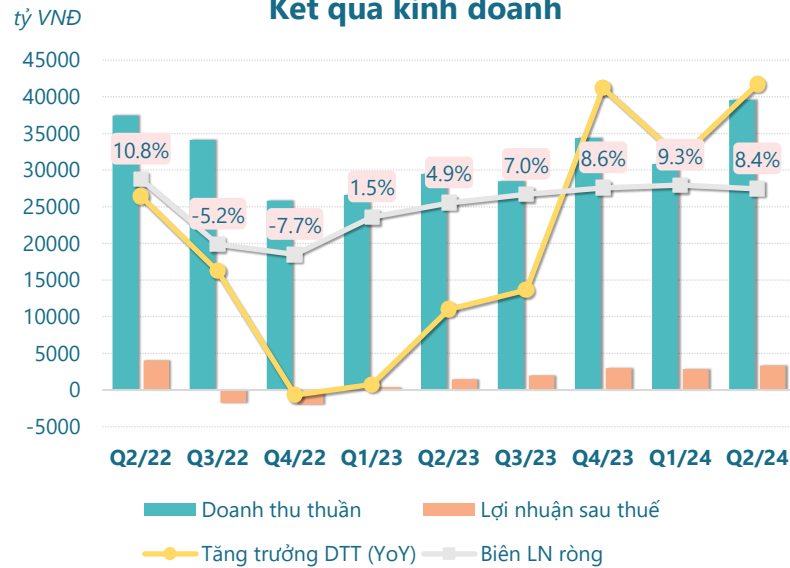
ROA (TTM) Q2/24

5.8%

YoY: +/- ▲ 0.9%



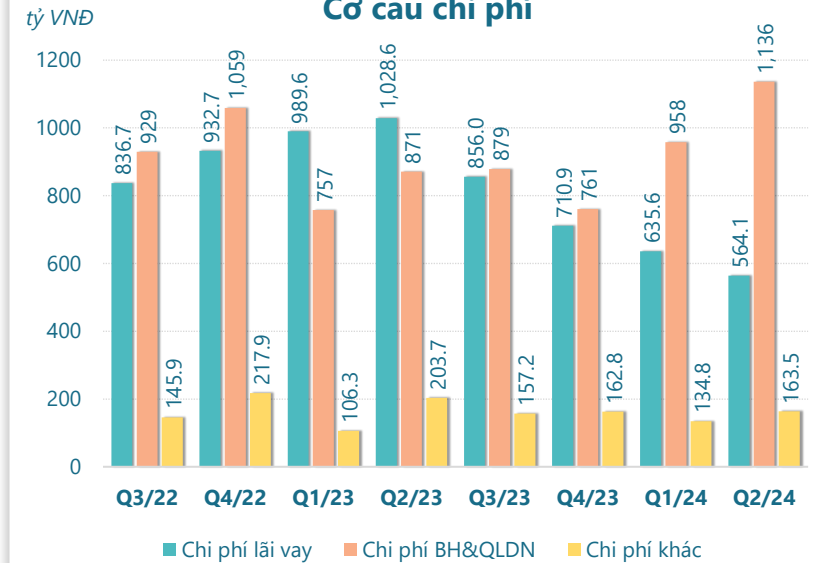
Kết quả kinh doanh



Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 3,692 tỷ đồng**, tăng thêm 27.8% so với kỳ trước và cao hơn 115% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 420.0 tỷ đồng** giảm đi 111.4 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 188.5 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 41.70 tỷ đồng**, giảm đi 88.8% so với kỳ trước và tăng thêm 54.83 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

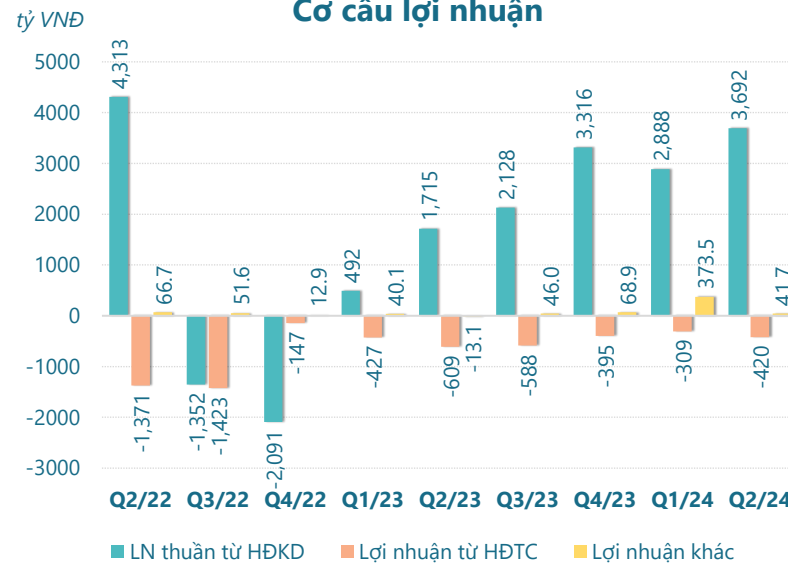
Cơ cấu chi phí



Kết quả kinh doanh của **HPG** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **39,556 tỷ đồng** tăng thêm **34.1%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 3,320 tỷ đồng, tăng trưởng 129%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **70,408 tỷ đồng** cao hơn 25.5% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 6,189 tỷ đồng** cao hơn 238% so với cùng kỳ năm trước.

Cơ cấu lợi nhuận



Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **564.1 tỷ đồng** giảm đi 11.2% so với kỳ trước và thấp hơn 45.2% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **1,136 tỷ đồng** tăng thêm 18.6% so với kỳ trước và cao hơn 30.4% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **163.5 tỷ đồng** tăng thêm 21.2% so với kỳ trước và thấp hơn 19.7% so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	39,556	30,852	28.2%	29,496	34.1%	70,408	56,085	25.5%
Giá vốn hàng bán	34,308	26,698	28.5%	26,301	30.4%	61,006	51,214	19.1%
Lợi nhuận gộp	5,247	4,154	26.3%	3,195	64.2%	9,401	4,871	93.0%
Doanh thu HĐTC	645	752	-14.2%	733	-12.0%	1,397	1,636	-14.6%
Chi phí TC	1,065	1,061	0.4%	1,341	-20.6%	2,126	2,672	-20.4%
Chi phí lãi vay	564	636	-11.3%	1,029	-45.2%	1,200	2,018	-40.6%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	747	640	16.6%	540	38.2%	1,387	1,017	36.4%
Chi phí QLDN	389	317	22.8%	332	17.3%	707	612	15.5%
LN thuần từ HĐKD	3,692	2,888	27.8%	1,715	115%	6,579	2,207	198%
Lợi nhuận khác	41.7	374	-88.8%	-13.1	418%	415	27.0	1437%
LN trước thuế	3,733	3,261	14.5%	1,702	119%	6,994	2,234	213%
Lợi nhuận sau thuế	3,320	2,869	15.7%	1,448	129%	6,189	1,831	238%
LNST của CĐ cty mẹ	3,319	2,871	15.6%	1,460	127%	6,190	1,858	233%

